



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

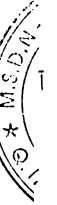


## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-37

001  
C  
ICH  
ING  
/

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Đào Trọng Sử	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:


- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



**Dương Ngọc Tú**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022



Số: 150822.020/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 20 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên *SM*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>462.951.803.887</b>	<b>353.944.846.810</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>250.754.106.423</b>	<b>178.500.086.206</b>
111	1. Tiền		250.754.106.423	158.500.086.206
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>80.252.904.110</b>	<b>40.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.252.904.110	40.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>36.802.459.676</b>	<b>60.897.430.886</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	26.852.281.450	30.233.162.041
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.746.876.065	1.191.489.885
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.894.889.939	40.164.366.738
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.691.587.778)	(10.691.587.778)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>53.705.605.175</b>	<b>43.486.569.667</b>
141	1. Hàng tồn kho		53.705.605.175	43.486.569.667
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>41.436.728.503</b>	<b>31.060.760.051</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.767.020.543	2.569.764.889
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		38.464.863.173	22.827.630.352
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	204.844.787	5.663.364.810
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>304.333.058.857</b>	<b>359.955.157.266</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>262.846.802.644</b>	<b>306.509.733.605</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	262.548.713.746	306.120.644.711
222	- Nguyên giá		1.392.407.966.860	1.392.407.966.860
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.129.859.253.114)	(1.086.287.322.149)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	298.088.898	389.088.894
228	- Nguyên giá		664.654.500	664.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(366.565.602)	(275.565.606)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>4.987.987.065</b>	<b>5.424.942.921</b>
231	- Nguyên giá		24.550.647.769	24.550.647.769
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.562.660.704)	(19.125.704.848)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.738.973.004</b>	<b>1.030.015.564</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.738.973.004	1.030.015.564
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>141.890.805</b>	<b>121.679.205</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		537.428.525	537.428.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(395.537.720)	(415.749.320)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>33.617.405.339</b>	<b>46.868.785.971</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	33.617.405.339	46.868.785.971
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>767.284.862.744</b>	<b>713.900.004.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

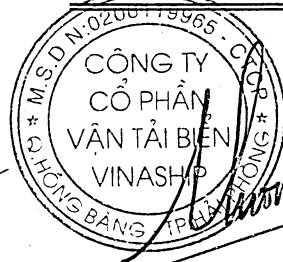
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>369.477.104.630</b>	<b>471.617.122.782</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>350.459.654.630</b>	<b>380.545.803.948</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	51.250.563.078	26.120.610.664
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.344.139.000	111.355.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	28.753.637.983	924.133.687
314	4. Phải trả người lao động		42.548.089.367	35.039.280.750
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.011.041.482	912.500.990
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	35.024.026.134	31.072.272.120
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	91.088.537.034	154.564.700.606
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	98.410.512.352	130.767.814.831
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.029.108.200	1.033.135.100
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>19.017.450.000</b>	<b>91.071.318.834</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	-	9.874.262.994
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	19.017.450.000	81.197.055.840
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>397.807.758.114</b>	<b>242.282.881.294</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>397.807.758.114</b>	<b>242.282.881.294</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		83.086.506.355	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.721.251.759	(40.649.840.560)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		(40.875.391.161)	(218.473.796.732)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		155.596.642.920	177.823.956.172
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>767.284.862.744</b>	<b>713.900.004.076</b>

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

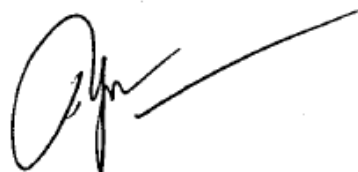
Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	555.542.974.788	387.307.951.766
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		555.542.974.788	387.307.951.766
11	4. Giá vốn hàng bán	24	388.428.378.515	313.777.774.144
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.114.596.273	73.530.177.622
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.868.813.239	7.916.242.275
22	7. Chi phí tài chính	26	6.926.847.109	11.410.001.887
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.343.968.389	11.020.877.470
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	11.618.900.320	10.181.321.838
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	19.398.891.609	14.385.711.777
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		132.038.770.474	45.469.384.395
31	12. Thu nhập khác	29	61.454.229.853	24.768.427.975
32	13. Chi phí khác		1.735.215	1.000.000.001
40	14. Lợi nhuận khác		61.452.494.638	23.768.427.974
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		193.491.265.112	69.237.812.369
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	37.894.622.192	43.639.919
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>155.596.642.920</u>	<u>69.194.172.450</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		155.596.642.920	69.194.172.450
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	7.780	3.460



Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập



Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

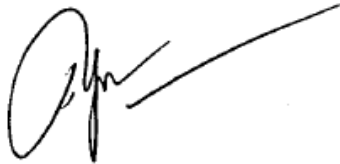
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		193.491.265.112	69.237.812.369
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		44.099.886.817	43.270.385.889
03	- Các khoản dự phòng		(20.211.600)	(566.941.400)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		161.338.242	(680.415.740)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(616.703.513)	(6.998.495.830)
06	- Chi phí lãi vay		6.343.968.389	11.020.877.470
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(61.350.008.110)	(24.767.043.813)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		182.109.535.337	90.516.178.945
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.251.573.594	10.130.896.019
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.219.035.508)	(2.573.009.105)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		36.492.330.801	28.116.315.007
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13.054.124.978	(6.072.981.590)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(726.696.636)	(5.788.691.455)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.556.453.482)	(26.851.824)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		479.607.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(555.400.000)	(448.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		225.329.586.084	113.853.055.997
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.526.026.694)	(4.190.746.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(70.252.904.110)	(40.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(456.228.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.478.852.256
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.210.785.706	9.174.974
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(42.568.145.098)	(34.158.946.770)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.190.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(114.591.030.420)	(9.540.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.900.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(114.594.930.420)	(5.350.000.000)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

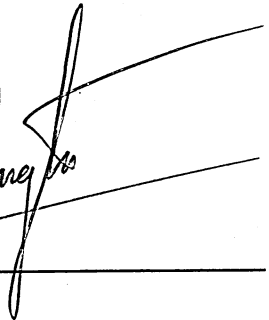
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		68.166.510.566	74.344.109.227
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		178.500.086.206	21.935.504.405
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.087.509.651	52.671.662
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>250.754.106.423</u>	<u>96.332.285.294</u>



Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập



Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Tú  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 532 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 557 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thùy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động).

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

## Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Do hoạt động vận tải biển trong nước và quốc tế vẫn đang diễn biến rất thuận lợi với giá cước liên tục duy trì ở mức cao, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Điều này làm cho các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi tiết tại các Thuyết minh số 23 và 24.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty đã hoàn thành trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) khoản nợ về tái cơ cấu khoản vay với Ngân hàng TNHH Indovina và đã tiếp tục đàm phán thành công với DATC để tái cơ cấu khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt, chi tiết tại các Thuyết minh số 19, 20 và 29.

### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2022:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

### 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

### 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.20 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.21 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu vận tải biển*

Doanh thu vận tải biển được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành, Công ty sử dụng tiêu thức thời gian để xác định phần công việc hoàn thành. Theo đó đối với mỗi chuyến tàu, ngay tại thời điểm bắt đầu Công ty đã ước tính tổng thời gian vận hành tàu (bao gồm cả thời gian bốc xếp và thời gian chạy trên biển). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty xác định được thời gian tàu đã chạy từ khi bắt đầu chuyến hàng đến ngày kết thúc kỳ kế toán và tiến hành ghi nhận doanh thu chuyến hàng tương ứng với thời gian tàu đã chạy trên tổng thời gian vận chuyển ước tính của chuyến hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

## **2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### **2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.27 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.053.983.000	855.575.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	249.700.123.423	157.644.511.206
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u><b>250.754.106.423</b></u>	<u><b>178.500.086.206</b></u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	80.252.904.110	-	40.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.252.904.110	-	40.000.000.000	-
	<u><b>80.252.904.110</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>40.000.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 80.252.904.110 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>537.428.525</b>	<b>142.304.000</b>	<b>(395.537.720)</b>	<b>537.428.525</b>	<b>121.978.800</b>	<b>(415.749.320)</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - VST (*)	537.018.920	141.481.200	(395.537.720)	537.018.920	121.269.600	(415.749.320)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB (*)	409.605	822.800	-	409.605	709.200	-
	<b>537.428.525</b>	<b>142.304.000</b>	<b>(395.537.720)</b>	<b>537.428.525</b>	<b>121.978.800</b>	<b>(415.749.320)</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2021 và 30/06/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoành Sơn	10.635.289.073	-	10.635.289.073	-
DNV BULK AND TRADE PTE LTD.	3.040.128.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	13.176.864.377	(3.349.100.204)	19.597.872.968	(3.349.100.204)
	<b>26.852.281.450</b>	<b>(3.349.100.204)</b>	<b>30.233.162.041</b>	<b>(3.349.100.204)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>1.734.186.618</b>	<b>-</b>	<b>1.959.353.517</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Shiptech	1.361.250.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Long	872.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	513.626.065	-	1.191.489.885	-
	<b>2.746.876.065</b>	<b>-</b>	<b>1.191.489.885</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	594.082.193	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	192.617	-	210.392	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	263.432.109	-	258.217.581	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	12.886.775	-	14.166.547	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	40.013.343	-	38.669.348	-
- Tạm ứng	4.167.388.878	-	3.763.266.242	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.369.000.000	-	21.369.000.000	-
- Phải thu Vinashinlines tiền chi hộ sửa chữa tàu	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân	2.983.955.413	-	2.983.955.413	-
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.467.529.106	-	3.399.486.506	-
- Phải thu khác	248.004.124	-	400.824.942	-
	<b>17.894.889.939</b>	<b>(7.342.487.574)</b>	<b>40.164.366.738</b>	<b>(7.342.487.574)</b>

(\*) Khoản đặt cọc 20.000.000.000 đồng tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã được chuyển thành khoản trả nợ cho Công ty này trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	-
- Các khoản khác	1.645.454.654	37.728.450	1.645.454.654	37.728.450
	<b>10.729.316.228</b>	<b>37.728.450</b>	<b>10.729.316.228</b>	<b>37.728.450</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.542.269.647	-	43.318.914.139	-
Công cụ, dụng cụ	10.704.000	-	15.024.000	-
Hàng hoá	152.631.528	-	152.631.528	-
	<b>53.705.605.175</b>	<b>-</b>	<b>43.486.569.667</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	2.647.015.804	938.058.364
	<b>2.738.973.004</b>	<b>1.030.015.564</b>

**(\*) Thông tin về dự án**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 80,97 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2022: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng và đang làm các thủ tục xin cấp phép xây dựng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.530.306.188	130.752.694	1.385.429.517.365	317.390.613	1.392.407.966.860
Số dư cuối kỳ	<b>6.530.306.188</b>	<b>130.752.694</b>	<b>1.385.429.517.365</b>	<b>317.390.613</b>	<b>1.392.407.966.860</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.055.150.335	124.185.883	1.080.812.809.859	295.176.072	1.086.287.322.149
- Khấu hao trong kỳ	103.607.502	2.142.858	43.462.116.967	4.063.638	43.571.930.965
Số dư cuối kỳ	<b>5.158.757.837</b>	<b>126.328.741</b>	<b>1.124.274.926.826</b>	<b>299.239.710</b>	<b>1.129.859.253.114</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.475.155.853	6.566.811	304.616.707.506	22.214.541	306.120.644.711
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.371.548.351</b>	<b>4.423.953</b>	<b>261.154.590.539</b>	<b>18.150.903</b>	<b>262.548.713.746</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 252.553.091.862 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.147.460.965 đồng.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá tại thời điểm 01/01/2022 và 30/06/2022 là 664.654.500 đồng, hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2022 và 30/06/2022 lần lượt là 275.565.606 đồng và 366.565.602 đồng, khấu hao trong kỳ là 90.999.996 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư cho thuê	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.478.148.137	21.072.499.632	24.550.647.769
Số dư cuối kỳ	<u>3.478.148.137</u>	<u>21.072.499.632</u>	<u>24.550.647.769</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.069.998.309	16.055.706.539	19.125.704.848
- Khấu hao trong kỳ	40.893.240	396.062.616	436.955.856
Số dư cuối kỳ	<u>3.110.891.549</u>	<u>16.451.769.155</u>	<u>19.562.660.704</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	408.149.828	5.016.793.093	5.424.942.921
Tại ngày cuối kỳ	<u>367.256.588</u>	<u>4.620.730.477</u>	<u>4.987.987.065</u>

*Trong đó:*

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê: 6.259.455.501 đồng.
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 1.926.893.484 đồng.
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 22.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.760.826.019	2.544.186.967
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.194.524	25.577.922
	<u>2.767.020.543</u>	<u>2.569.764.889</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	33.603.197.513	46.821.579.143
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.624.493	6.843.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.583.333	40.363.083
	<u>33.617.405.339</u>	<u>46.868.785.971</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	20.992.249.724	20.992.249.724	3.107.559.450	3.107.559.450
- Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Thành Long	5.147.499.999	5.147.499.999	-	-
- Monjasa Pte. Ltd. - Singapore	9.877.494.247	9.877.494.247	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	15.233.319.108	15.233.319.108	23.013.051.214	23.013.051.214
	<b>51.250.563.078</b>	<b>51.250.563.078</b>	<b>26.120.610.664</b>	<b>26.120.610.664</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	25.474.292	25.474.292
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>				

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	826.292.978	1.518.669.605	1.603.021.649	-	741.940.934
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	54.676.547	54.676.547	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.366.466.825	12.693.386	37.894.622.192	4.556.453.482	-	27.984.395.271
Thuế Thu nhập cá nhân	-	85.147.323	668.718.114	793.456.546	66.892.887	27.301.778
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	296.897.985	-	1.377.557.162	1.218.611.077	137.951.900	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.735.215	1.735.215	-	-
	<b>5.663.364.810</b>	<b>924.133.687</b>	<b>41.522.978.835</b>	<b>8.234.954.516</b>	<b>204.844.787</b>	<b>28.753.637.983</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	121.041.482	136.990.990
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	890.000.000	775.510.000
	<b>1.011.041.482</b>	<b>912.500.990</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	35.024.026.134	31.057.933.597
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	-	14.338.523
	<b>35.024.026.134</b>	<b>31.072.272.120</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	43.849.468	33.288.974
- Bảo hiểm y tế	48.358.513	48.191.321
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.686.441.588	7.690.341.588
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng (*)	16.538.367.065	37.863.792.536
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.821.104.938	1.673.159.607
- Phải trả thuế TNCN tạm thu	139.845.802	40.638.313
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý (**)	58.628.174.289	106.389.790.051
- Phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) phí quản lý mua nợ (**)	5.215.675.618	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	934.719.753	793.498.216
	<b>91.088.537.034</b>	<b>154.564.700.606</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng (*)	-	9.874.262.994
	-	<b>9.874.262.994</b>

(\*) Số dư tại thời điểm 30/06/2022 là lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

(\*\*) Số dư tại thời điểm 30/06/2022 bao gồm khoản nợ gốc và lãi vay đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (BVB Hải Phòng) đang chờ xử lý. Ngày 30/06/2022, BVB Hải Phòng đã thông báo cho Công ty về việc thực hiện chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của IVB Mỹ Đình được quy định tại các Hợp đồng tài trợ, Hợp đồng cho vay hợp vốn, Hợp đồng thế chấp và các phụ lục đính kèm sang DATC. Kể từ ngày 30/06/2022, DATC sẽ kế thừa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ mới được chuyển giao từ BVB Hải Phòng đối với Công ty.

Theo Biên bản làm việc về tiến độ thanh toán và xử lý nợ, tài sản bảo đảm với khoản nợ DATC mua của BVB Hải Phòng, Công ty cần phải thanh toán cho DATC khoản tiền bao gồm giá DATC mua nợ (104.313.512.352 đồng), phí quản lý 5% tính trên giá DATC mua nợ (5.215.675.618 đồng) và lãi suất chậm trả. Số tiền này sẽ được Công ty thanh toán cho DATC định kỳ hàng tháng trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm DATC nhận chuyển giao quyền chủ nợ từ BVB Hải Phòng. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với DATC, phần chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay với giá vốn DATC mua nợ, phí quản lý sẽ được Công ty ghi nhận vào Thu nhập khác.

<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	20.533.247.554
- Phải trả lãi vay	-	20.533.247.554
	-	<b>20.533.247.554</b>
<b>d) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>7.216.066.588</b>	<b>7.179.066.588</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**20 . VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>104.313.512.352</b>	<b>58.000.000.000</b>	<b>74.313.512.352</b>	<b>74.313.512.352</b>
- Vay cá nhân	28.000.000.000	28.000.000.000	-	28.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (**)	-	-	104.313.512.352	30.000.000.000	74.313.512.352	74.313.512.352
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>102.767.814.831</b>		<b>8.520.805.645</b>	<b>87.191.620.476</b>	<b>24.097.000.000</b>	<b>24.097.000.000</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	31.097.000.000		6.696.000.000	13.696.000.000	24.097.000.000	24.097.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (***)	71.670.814.831		1.824.805.645	73.495.620.476	-	-
	<b>130.767.814.831</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>112.834.317.997</b>	<b>145.191.620.476</b>	<b>98.410.512.352</b>	<b>98.410.512.352</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	56.810.450.000		-	13.696.000.000	43.114.450.000	43.114.450.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (***)	127.154.420.671		3.237.469.885	130.391.890.556	-	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (****)	-		42.895.030.420	42.895.030.420	-	-
	<b>183.964.870.671</b>		<b>46.132.500.305</b>	<b>186.982.920.976</b>	<b>43.114.450.000</b>	<b>43.114.450.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(102.767.814.831)		(8.520.805.645)	(87.191.620.476)	(24.097.000.000)	(24.097.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>81.197.055.840</b>				<b>19.017.450.000</b>	<b>19.017.450.000</b>

(\*) Các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty đang được tái cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này.

(\*\*) Tiền vay trong kỳ tăng 104.313.512.352 đồng do chuyển từ nợ gốc và lãi vay chờ xử lý sang khoản vay sau khi tái cơ cấu nợ thành công và giảm 30.000.000.000 đồng do Công ty đã thanh toán nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(\*\*\*) Tiền vay trong kỳ giảm 130.391.890.556 đồng chuyển sang nợ vay chờ xử lý liên quan đến khoản nợ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng - bên hợp vốn với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình) cho Công ty vay theo Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011 đã được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam mua lại, chi tiết tại Thuyết minh 19 - Phải trả khác và tăng 3.237.469.885 do đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư khoản vay gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2022.

(\*\*\*\*) Tiền vay trong Kỳ tăng 42.895.030.420 đồng do chuyển từ nợ gốc và lãi vay chờ xử lý sang khoản vay sau khi tái cơ cấu nợ thành công và giảm số tiền tương ứng do Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

**c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2022	Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam</b>						
	Thỏa thuận xử lý khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	12 tháng kể từ thời điểm chuyển giao quyền chủ nợ	74.313.512.352	74.313.512.352	Tái cơ cấu nợ đối với khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	Tàu Vinaship Star, tàu Mỹ Thịnh, tàu Vinaship Pearl, tàu Vinaship Diamond và tàu Vinaship Sea

**d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2022	Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</b>						
1	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	10.705.000.000	10.705.000.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Mỹ Hưng
2	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	32.409.450.000	13.392.000.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Vinaship Gold
<b>Tổng cộng</b>			<b>43.114.450.000</b>	<b>24.097.000.000</b>		

Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**e) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	55.817.985.031	18.175.283.805
	-	-	<b>55.817.985.031</b>	<b>18.175.283.805</b>

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.473.796.732)	64.458.925.122
Lãi trong kỳ trước	-	-	69.194.172.450	69.194.172.450
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(149.279.624.282)	133.653.097.572
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.649.840.560)	242.282.881.294
Lãi trong kỳ này	-	-	155.596.642.920	155.596.642.920
Phân phối lợi nhuận	-	153.784.501	(153.784.501)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(71.766.100)	(71.766.100)
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	83.086.506.355	114.721.251.759	397.807.758.114

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	7.690.341.588	7.804.071.588
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(3.900.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(3.900.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	7.686.441.588	7.804.071.588

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	83.086.506.355	82.932.721.854
	<u><b>83.086.506.355</b></u>	<u><b>82.932.721.854</b></u>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.356.918.601	3.848.727.276
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.172.000.005	3.887.454.548
	<u><b>8.528.918.606</b></u>	<u><b>7.736.181.824</b></u>

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	594.000.000	1.104.000.000
	<u><b>594.000.000</b></u>	<u><b>1.104.000.000</b></u>

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m<sup>2</sup>. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

**c) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	9.732.953,94	6.530.523,26



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	529.910.669.584	354.535.052.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa	23.194.543.112	30.618.419.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	2.437.762.092	2.154.479.464
	<b>555.542.974.788</b>	<b>387.307.951.766</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>1.220.039.272</b>	<b>2.013.528.418</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	365.804.386.303	283.783.290.619
Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hoá	21.326.298.622	28.901.580.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	1.297.693.590	1.092.902.644
	<b>388.428.378.515</b>	<b>313.777.774.144</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	-	<b>882.158.429</b>
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	<b>882.158.429</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	616.692.713	9.174.974
Lãi bán các khoản đầu tư	-	7.005.468.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.252.109.726	221.182.961
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	680.415.740
	<b>2.868.813.239</b>	<b>7.916.242.275</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.343.968.389	11.020.877.470
Chi phí bán các khoản đầu tư	-	16.147.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	441.690.751	710.516.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	161.338.242	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(20.211.600)	(338.117.400)
Chi phí tài chính khác	61.327	577.523
	<b><u>6.926.847.109</u></b>	<b><u>11.410.001.887</u></b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	11.618.900.320	10.181.321.838
	<b><u>11.618.900.320</u></b>	<b><u>10.181.321.838</u></b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	589.168.249	605.642.158
Chi phí nhân công	15.922.979.450	11.508.927.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.430.965	336.370.579
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	7.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(228.824.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	979.736.391	624.922.074
Chi phí khác bằng tiền	1.516.576.554	1.531.673.142
	<b><u>19.398.891.609</u></b>	<b><u>14.385.711.777</u></b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt thu được	103.410.000	-
Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay của các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC (*)	61.350.008.110	24.767.043.813
Thu nhập khác	811.743	1.384.162
	<b><u>61.454.229.853</u></b>	<b><u>24.768.427.975</u></b>

(\*) Khoản thu nhập được ghi nhận từ số nợ gốc và lãi vay chờ xử lý còn lại sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) trong kỳ (chi tiết tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	37.813.023.235	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	81.598.957	43.639.919
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>37.894.622.192</b>	<b>43.639.919</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(5.353.773.439)	(8.358.105.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.556.453.482)	(26.851.824)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>27.984.395.271</b>	<b>(8.341.316.976)</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	155.596.642.920	69.194.172.450
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	155.596.642.920	69.194.172.450
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.780</b>	<b>3.460</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.320.298.712	125.503.764.036
Chi phí nhân công	75.151.401.565	60.736.471.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.099.886.817	43.270.385.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.709.644.458	105.482.863.752
Chi phí khác bằng tiền	3.164.938.892	3.580.146.087
<b></b>	<b>419.446.170.444</b>	<b>338.573.631.759</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	250.754.106.423	-	178.500.086.206	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.747.171.389	(10.691.587.778)	70.397.528.779	(10.691.587.778)
Các khoản cho vay	80.252.904.110.	-	40.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	537.428.525	(395.537.720)	537.428.525	(415.749.320)
	<b>376.291.610.447</b>	<b>(11.087.125.498)</b>	<b>289.435.043.510</b>	<b>(11.107.337.098)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	117.427.962.352	211.964.870.671
Phải trả người bán, phải trả khác	142.339.100.112	190.559.574.264
Chi phí phải trả	1.011.041.482	912.500.990
	<b>260.778.103.946</b>	<b>403.436.945.925</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	141.890.805	-	141.890.805
	-	<b>141.890.805</b>	-	<b>141.890.805</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	121.679.205	-	121.679.205
	-	<b>121.679.205</b>	-	<b>121.679.205</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	250.754.106.423	-	-	250.754.106.423
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.055.583.611	-	-	34.055.583.611
Các khoản cho vay	80.252.904.110	-	-	80.252.904.110
	<b>365.062.594.144</b>	-	-	<b>365.062.594.144</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.500.086.206	-	-	178.500.086.206
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.705.941.001	-	-	59.705.941.001
Các khoản cho vay	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
	<b>278.206.027.207</b>	-	-	<b>278.206.027.207</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Vay và nợ	98.410.512.352	19.017.450.000	-	117.427.962.352
Phải trả người bán, phải trả khác	142.339.100.112	-	-	142.339.100.112
Chi phí phải trả	1.011.041.482	-	-	1.011.041.482
	<u>241.760.653.946</u>	<u>19.017.450.000</u>	<u>-</u>	<u>260.778.103.946</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	130.767.814.831	81.197.055.840	-	211.964.870.671
Phải trả người bán, phải trả khác	180.685.311.270	9.874.262.994	-	190.559.574.264
Chi phí phải trả	912.500.990	-	-	912.500.990
	<u>312.365.627.091</u>	<u>91.071.318.834</u>	<u>-</u>	<u>403.436.945.925</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hải Cảng Sài Gòn	Cùng tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Trong kỳ Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm	
	2022	2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1.220.039.272</b>	<b>2.013.528.418</b>
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	339.352.000	431.701.500
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	880.687.272	1.581.826.918
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	-	<b>882.158.429</b>
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	1.526.610
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	731.996.619
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	-	148.635.200

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.734.186.618</b>	<b>1.959.353.517</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	108.992.400		
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	1.598.000.778	1.850.361.117		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	136.185.840	-		
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	-	<b>25.474.292</b>		
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	25.474.292		
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>7.216.066.588</b>	<b>7.179.066.588</b>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	7.216.066.588	7.179.066.588		

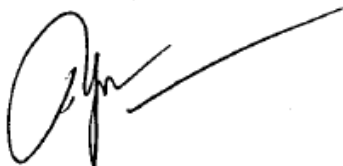
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm		6 tháng đầu năm	
	2022	2021	2022	2021
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	448.680.632	308.691.647		
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.903.911.263	1.053.690.258		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.


Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Tú  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022